TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-PT
Ngày 17 - 4 - 2019
V/v tranh chấp ranh giới đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng, bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Luận - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 3 và ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLPT - DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc "tranh chấp ranh giới đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Kim Bảng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐPT-DS ngày 06/3/2019 và Thông báo thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa ngày 05/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh S, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; cùng địa chỉ: Thôn 2 L N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của Anh Phạm Thanh S là chị Nguyễn Thị L (văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 6 năm 2018), có mặt.

2. Bị đơn: - Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 và chị Chu Thị X, sinh năm 1986, cùng địa chỉ: Thôn 1 L N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của Anh Nguyễn Văn T là chị Chu Thị X (văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 11 năm 2018), có mặt.

- Bà Đào Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn 2 L N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Đức K - Chủ tịch UBND xã, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn Bà Đào Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Hộ anh chị S L, hộ anh chị T X và hộ Bà Đào Thị T là 03 hộ ở trên 03 thửa đất liền kề nhau. Thửa đất số 314 có diện tích 245m^2 (trong đó đất ở là 180m^2 và diện tích đất UB là 65m^2) đứng tên Bà Đào Thị T, thửa đất số 315 có diện tích 244m^2 (trong đó diện tích đất ở là 180m^2, diện tích đất UB là 64m^2) đứng tên chị Nguyễn Thị L và Anh Phạm Thanh S, thửa đất số 318 có diện tích diện tích là 247m^2 (trong đó diện tích đất ở là 180m^2 và diện tích đất UB là 67m^2) đứng tên Anh Nguyễn Văn T và chị Chu Thị X cùng thuộc tờ bản đồ PL9, tọa lạc tại xóm 5 (nay là thôn 2 L N), xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Theo nguyên đơn là vợ chồng Anh Phạm Thanh S và chị Nguyễn Thị L trình bày: Năm 2011, hộ anh chị có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Đinh Đăng Định và bà Nguyễn Thị Liên tại thửa đất trên và đã được UBND huyện K, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 448361 ngày 02/12/2011 với tứ cận gồm: Phía Đông Nam giáp đường 498A dài 6,00m, phía Đông Bắc giáp thửa đất số 314 nhà bà Tý dài 40,80m, phía Tây Nam giáp thửa đất số 318 nhà anh T, chị X dài 40,65m, phía Tây Bắc giáp phần đất của UBND xã Đ dài 6,01 m, trên đất có một ngôi nhà mái bằng ba gian.

Sau khi mua đất, hộ anh chị có xây dựng thêm 01 nhà tạm (nhà kho) lợp mái tôn giáp đường 498A để chứa cám (thức ăn chăn nuôi). Khi xây dựng anh chị đã sang nhà anh T, chị X để hỏi về mốc giới thì anh T, chị X nói mỗi nhà có 06m mặt quay ra đường 498A, nên vợ chồng anh chị đã xây nhà kho sát với nhà anh T, chị X có mặt tiền 06m tiếp nối với nhà anh T, chị X.

Năm 2015, nhà bà T xây nhà tạm cấp 4 phía giáp đường 498A sát nhà kho của nhà anh và xây công trình phụ, tường chắn thổ.... từ trước về sau. Đến năm 2016, khi nhà anh T, chị X xây nhà 03 tầng có mời cán bộ xã Đồng Hóa đến đo đạc, chỉ mốc giới và nói nhà anh T, chị X vẫn còn thiếu đất, nên anh T, chị X đã tự ý sang cắt một phần tường nhà kho của nhà anh chị và xây lấn sang nhà anh chị khoảng 05m^2 mà không được sự cho phép của anh chị. Nay anh chị cho rằng nhà bà T đã xây nhà tạm cấp 04 phía giáp đường 498A và các công trình khác lấn sang phần đất của anh chị khoảng 05m^2, nên yêu cầu Tòa án buộc bà T phải tháo dỡ, di chuyển toàn bộ phần tường nhà tạm, tường chắn thổ, tường bể, công trình phụ, vật kiến trúc... xây lấn sang thửa đất của nhà anh chị để trả lại diện tích đất mà bà Tý đã xây dựng lấn chiếm của vợ chồng anh chị tại thửa đất số 315, tờ bản đồ PL9, tọa lạc tại xóm 5 (nay là thôn 2 L N), xã Đ, huyện K, tỉnh' Hà Nam. Đối với ranh giới giữa hai phần đất của vợ chồng anh T, chị X và của vợ chồng anh chị, đề nghị Tòa án xác định rõ mốc giới giữa hai hộ liền kề, nếu nhà anh T, chị X xây dựng lấn sang phần đất nhà anh chị thì đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T, chị X phải tháo dỡ, di chuyển toàn bộ phân xây dựng, vật kiến trúc ... xây lấn sang thửa đất của nhà anh chị để trả lại diện tích đất khoảng 05m^2 mà vợ chồng anh T, chị X đã lấn chiếm.

Theo bị đơn là Anh Nguyễn Văn T và chị Chu Thị X trình bày: Năm

2008 anh chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Dương Công Hoan và bà Nguyễn Thị Lợi tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số PL9 có diện tích là 247m^2 và sang tên quyền sử dụng đất đứng tên hộ anh chị. Năm 2011, vợ chồng chị L anh S nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Đinh Đăng Định và bà Nguyễn Thị Liên, liền kề với đất nhà anh chị, khi đó trên thửa đất số 315 đã xây dựng ngôi nhà 03 gian mái bằng theo đúng mốc giới không lấn sang phần đất nhà anh chị. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vợ chồng chị L, anh S đã xây dựng một nhà kho giáp đường 498A như vợ chồng anh S, chị L đã trình bày. Đến năm 2016 anh chị xây nhà 03 tầng kiên cố trên đất, anh chị đã mời cán bộ xã Đồng Hóa đến đo mốc giới và xác định tường nhà kho của nhà chị L, anh S xây lấn vát chéo sang phần đất nhà anh chị có chiều rộng nhất giáp đường 498A là khoảng 0,13m, phía sau lấn bao nhiêu anh chị không xác định được. Khi đó có anh S, chị L chứng kiến và anh S, chị L nói với vợ chồng anh chị là khi anh chị xây nhà kiên cố thì sẽ trả lại phần đất lấn sang, nên anh chị đã cho thợ sang cắt một phần tường nhà kho rộng khoảng 20cm, cao hết tường nhà kho nhà chị L, anh S để nhà anh chị đổ cột xây nhà, lúc đó nhà chị L không có ý kiến gì, nhưng sau khi nhà anh chị xây xong móng nhà thì chị L lại nói nhà anh chị tự ý cắt tường nhà kho là sai trong khi trước đó hai hộ đã có sự thỏa thuận. Nay chị L, anh S cho rằng anh chị khi xây nhà đã xây lấn sang nhà anh chị S L là không đúng, nên anh chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, chị L, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh chị S L.

Theo bị đơn là Bà Đào Thị T trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 314, tờ bản đồ PL9 vợ chồng bà mua của UBND xã Đồng Hóa từ năm 1989. Vị trí thửa đất phía Đông Nam giáp đường 498A, phía Đông Bắc giáp thửa đất số 313 nhà ông bà Sự Luân, phía Tây Nam giáp thửa đất số 315 nhà anh chị S L, phía Tây Bắc giáp phần đất do UBND xã Đồng Hóa quản lý. Khi mua đất của UBND xã Đồng Hóa bà chỉ biết mỗi thửa đất có 06m mặt tiền quay ra đường 498A và sâu 30m, còn lại phía sau là đất UB. Năm 1997, chồng bà là ông Nguyễn Quang Tuấn chết, bà sử dụng đất liên tục cho đến nay. Ngày 22/6/2006 bà được UBND huyện Kim Bảng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng dất số AE 638176 đứng tên Bà Đào Thị T. Đến năm 2015, bà đã làm nhà tạm cấp bốn xây gạch xỉ nghiêng, lợp tôn phía mặt tiền giáp đường 498A, khi xây thì nhà anh chị S L đã xây dựng nhà kho trước đó, bà chỉ xây giáp với nhà kho nhà anh chị S L và đo đủ 06m giáp mặt đường, xây đủ diện tích, đúng mốc giới của nhà bà, bà không xây lấn sang phần đất nhà anh chị S L. Nay anh chị S L cho rằng nhà bà khi xây nhà tạm và các công trình khác đã xây lấn sang nhà anh chị S L là không đúng, nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh chị S L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Đ có bản tự khai ngày 16 tháng 11 năm 2018 như sau: Đối với các thửa đất 314, 315 và 318 cùng tờ bản đồ PL9 tọa lạc tại xóm 5 (nay là thôn 2 Lạc Nhuế), xã Đ, huyện K, tỉnh H đã được UBND huyện Kim Bảng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên lần lượt là Bà Đào Thị T, hộ Anh Phạm Thanh S và chị Nguyễn Thị L, hộ Anh Nguyễn Văn T và chị Chu Thị X. Thửa số 314 có 65m^2 ; thửa số 315 có 64m^2 ; thửa số 318 có 67m^2 là đất do UBND xã quản lý. Về nguồn gốc các thửa đất từ trước năm 2000, UBND xã chưa có sự đo đạc và có bản đồ địa chính đối với các thửa như hiện nay. Đến năm 2000, UBND xã cùng UBND huyện Kim

Bảng mới tiến hành đo đạc, vẽ bản đồ địa chính, phân thành các thửa đất và đến năm 2006 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ Bà Đào Thị T, hộ ông Đinh Đăng Định và bà Nguyễn Thị Liên chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2011 cho hộ Anh Phạm Thanh S và chị Nguyễn Thị L, hộ ông Dương Công Hoan và bà Nguyễn Thị Lợi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ Anh Nguyễn Văn T và chị Chu Thị X năm 2008. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay số thửa, số diện tích, số đo các cạnh chiều dài, chiều rộng của các thửa đất không có sự thay đổi, biến động gì. Đối với phần diện tích đất UB được ủy ban nhân dân xã giao cho các hộ sử dụng, đến nay UBND xã vẫn giao cho các hộ được tiếp tục sử dụng và không có ý kiến gì khác. Việc hộ Anh Phạm Thanh S và chị Nguyễn Thị L yêu cầu khởi kiện các hộ anh T, chị X và bà Tý, khi xây dựng các công trình khác trên đất lấn sang phần đất của nhà bà L, UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết trên cơ sở kết quả đo đạc, thẩm định của các cơ quan chuyên môn và trên cơ sở giây chứng nhận quyền sử dụng đất các hộ đã được cấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 11/01/2019 của Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã Quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 174, 175 và 176 của Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 166, 170, 203 của Luật Đất đai; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh S, bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn Bà Đào Thị T. Buộc Bà Đào Thị T phải tháo dỡ, di chuyển một phần tường nhà tạm, một phần tường công trình phụ, một phần tường bể nước và phần tường chắn thổ, vật kiến trúc khác... xây dựng lấn sang thửa đất số 315, tờ bản đồ PL9 của vợ chồng ông S bà L tại thôn 02 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện K, tỉnh H với diện tích 06m^2 (trong đó 04m^2 đất ở và 02m^2 đất UB) theo hình thang, cụ thể là chiều rộng phía Đông Nam giáp đường 498A tính từ góc mép tường ngoài nhà tạm của nhà bà Tý kéo về phía Bắc là 0,13m, chiều rộng phía Tây Bắc giáp phần đất của Ủy ban nhân dân xã Đồng Hóa tính từ góc mép ngoài tường chắn thổ của nhà bà T kéo về phía Bắc là 0,18m, chiều dài kéo từ phía Đông Nam đến phía Tây Bắc (từ trước về sau) là 40,80m để trả lại phần diện tích 06m^2 đất mà bà T đã xâv dựng lấn sang đất nhà ông S bà L. (Có trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh S, bà Nguvễn Thị L đối với vợ chồng Anh Nguyễn Văn T, chị Chu Thị X về việc phải tháo dỡ, di chuyển toàn bộ phần công trình xây dựng, vật kiến trúc... xây lấn sang thửa đất của vợ chồng ông S bà L với diện tích là 05m^2 trên thửa đất số 315, tờ bản đồ PL9 tọa lạc tại thôn 02 Lạc Nhuế, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn Quyết định về án phí, các chi phí tố tụng khác và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, Bà Đào Thị T có đơn kháng cáo với nội dung không chấp nhận trả lại cho vợ chồng anh chị S L 06m^2 đất (gồm 04m^2 đất ở và

02m^2 đất UB) và đề nghị giữ nguyên hiện trạng bà đã xây dựng.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, chị Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm buộc anh T, chị X tháo dỡ, di chuyển toàn bộ phần công trình xây dựng, vật kiến trúc ... xây lấn sang đất của gia đình chị để trả lại cho gia đình chị diện tích 05m^2 đất tại thửa đất số 315, tờ bản đồ PL 9, tại Thôn 2 L N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T và chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị L, bà T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 11/01/2019 của Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ kiện tranh chấp ranh giới đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 9, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật.

Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị L và Bà Đào Thị T trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu anh T, chị X tháo dỡ, di chuyển toàn bộ phần công trình xây dựng, vật kiến trúc ... xây lấn sang đất vủa vợ chồng anh chị với diện tích 05m^2 trên thửa đất số 315, tờ bản đồ PL 9, tại Thôn 2 L N, xã Đ, huyện K và kháng cáo của Bà Đào Thị T không chấp nhận trả lại 06m^2 đất (gồm 04m^2 đất ở và 02m^2 đất UB) cho gia đình anh S chị L và đề nghị giữ nguyên hiện trạng bà đã xây dựng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Kể từ khi hộ anh chị S L, hộ anh chị T X và hộ bà T được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay, các hộ sử dụng ổn định không có biến động, thay đổi gì về diện tích cũng như số đo các cạnh, song các chủ sử dụng đất khi xây dựng công trình trên đất đã không tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng như không mời đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền đến để xác định mốc giới khi xây dựng dẫn đến việc xây dựng các công trình không đúng vị trí được xác định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lấn chiếm sang phần đất của nhau. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Hà Nam để giải quyết tranh chấp là phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể thì hiện tại nhà bà T đã xây dựng các công trình nhà ở tạm lợp tôn, công trình phụ, bể nước, tường chắn thổ lấn sang thửa đất số 315 của vợ chồng anh S chị L là 06m^2 (trong đó 04m^2 đất ở và 02m^2 đất UB), chiều rộng phía Đông Nam giáp đường 498A là 0,13m tính từ mép tường ngoài nhà

tạm của nhà bà T kéo về phía Bắc, chiều rộng phía Tây Bắc giáp phần đất của UBND xã Đồng Hóa là 0,18m tính từ mép ngoài tường chắn thổ của nhà bà T kéo về phía Bắc, chiều dài kéo từ phía Đông Nam đến phía Tây Bắc (từ trước về sau) là 40,80m. Do đó, cần buộc Bà Đào Thị T phải tháo dỡ, di chuyển một phần tường nhà tạm, một phần tường công trình phụ, một phần tường bể nước và phần tường rào xây dựng lấn sang 06m^2 đất trên thửa 315, tờ bản đồ PL9 của vợ chồng anh S, chị L tại thôn 02 L N, xã Đ, huyện K, tỉnh H để trả lại phần diện tích đất mà bà T đã xây dựng lấn sang đất nhà anh S chị L với diện tích 06m^2 như nêu trên là có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bà T kháng cáo không chấp nhận trả lại 06m^2 đất (gồm 04m^2 đất ở và 02m^2 đất UB) cho gia đình anh S chị L và đề nghị giữ nguyên hiện trạng bà đã xây dựng, song không xuất trình được căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do vậy yêu cầu kháng cáo của bà T không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của chị L buộc vợ chồng anh T chị X phải tháo dỡ, di chuyển một phần tường các công trình xây dựng, vật kiến trúc khác... xây dựng lấn sang 05m^2 phía sau thửa đất giáp đất của Ủy ban nhân dân xã Đồng Hóa trên thửa đất 315, tờ bản đồ PL9 của vợ chồng anh S chị L tại thôn 02 L N, xã Đ, huyện K, tỉnh H. Căn cứ vào kết quả đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Hà Nam thì hiện tại nhà anh T chị X không xây lấn sang thửa đất 315, tờ bản đồ PL9 của vợ chồng anh S chị L tại thôn 02 L N, xã Đ, huyện K, tỉnh H mà nhà anh S chị L còn còn xây nhà kho lấn sang phần đất nhà anh T chị X là 02m^2 đất ở, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp yêu cầu khởi kiện này của vợ chồng anh S chị L là có căn cứ. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của chị L không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà T, chị L không được chấp nhận nên bà T, chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sư. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Đào Thị T và chị Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng .

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 174, 175, 176 Bộ luật dân sự; các Điều 100, 166, 170, 203 của Luật Đất đai; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Phạm Thanh S, chị Nguyễn Thị L đối với bị đơn Bà Đào Thị T. Buộc Bà Đào Thị T phải trả lại diện tích 06m^2 (trong đó có 04m^2 đất thổ cư, 02m^2 đất UB) có kích thước phía Đông Nam giáp đường 498A tính từ góc mép tường ngoài nhà tạm của bà T kéo về

phía Bắc là 0,13m, phía Tây Bắc giáp phần đất của Ủy ban nhân dân xã Đ tính từ góc mép ngoài tường chắn thổ của nhà bà T kéo về phía Bắc là 0,18m, chiều dài kéo từ phía Đông Nam đến phía Tây Bắc (từ trước về sau) là 40,80m cho anh S chị L. Buộc bà T phải tháo dỡ, di chuyển một phần tường nhà tạm, một phần tường công trình phụ, một phần tường bể nước và phần tường chắn thổ xây dựng lấn sang thửa đất số 315, tờ bản đồ PL9 của vợ chồng anh S chị L tại thôn 02 L N, xã Đ, huyện K, tỉnh H để trả lại đất cho vợ chồng anh S chị L. (Có trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Phạm Thanh S, chị Nguyễn Thị Lan đối với vợ chồng Anh Nguyễn Văn T, chị Chu Thị X về việc phải tháo dỡ, di chuyển toàn bộ phần công trình xây dựng, vật kiến trúc xây lấn sang thửa đất của vợ chồng anh S chị L với diện tích là 05m^2 trên thửa đất số 315, tờ bản đồ PL9 tọa lạc tại thôn 02 L N, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí đo đạc địa chính khu đất tranh chấp:

Bà T phải chịu và có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng anh S chị L ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí đo đạc địa chính với số tiền là 4.200.000đ.

Vợ chồng anh S chị L phải chịu phải chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí đo đạc địa chính với số tiền là 4.200.000đ, đối trừ số tiền 8.400.000đ vợ chồng anh S chị L đã nộp, vợ chồng anh S chị L còn được nhận của bà Tý số tiền là 4.200.000đ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đào Thị T phải chịu 2.200.000 đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vợ chồng Anh Phạm Thanh S, chị Nguyễn Thị L phải chịu 2.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, đối trừ số tiền 625.000đ tạm ứng án phí vợ chồng anh S chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001376 ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, vợ chồng anh S chị L còn phải nộp tiếp số tiền là 2.125.000đ.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đào Thị T phải nộp 300.000đ. Đối trừ số tiền 300.000đ bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001480 ngày 23 tháng 01 năm 2019, bà T đã thi hành xong.

Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001483 ngày 29 tháng 01 năm 2019, chị L đã thi hành xong.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn San